

Số: 218/BC-THCSNVC

Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ

2. Địa chỉ:

Số 126, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0274. 3882107

Website: <https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn>

3. Loại hình: Trường Trung học cơ sở công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu của nhà trường

Sứ mệnh: Trường THCS Nguyễn Văn Cừ cam kết xây dựng môi trường giáo dục chất lượng cao, an toàn, hạnh phúc và giàu tính nhân văn; phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, thể chất và kỹ năng sống cho học sinh; khơi dậy tinh thần tự học, sáng tạo, trách nhiệm và khát vọng vươn lên. Nhà trường tạo nền tảng vững chắc về tri thức, ngoại ngữ, năng lực số và khả năng hội nhập để học sinh tự tin học tập, thích ứng và thành công trong xã hội hiện đại và công dân toàn cầu trong tương lai.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường THCS Nguyễn Văn Cừ phấn đấu trở thành mô hình giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; là môi trường học tập hạnh phúc, hiện đại, ứng dụng hiệu quả chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học và giáo dục; nơi mỗi học sinh được phát triển tối đa tiềm năng, có năng lực ngoại ngữ, năng lực số, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và khả năng hội nhập quốc tế.

Giá trị cốt lõi: Yêu thương - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hội nhập - Phát triển bền vững

Yêu thương: Xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, tôn trọng và đồng hành cùng học sinh.

Trách nhiệm: Thực hiện tốt trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.

Sáng tạo: Khuyến khích đổi mới, tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời.

Hội nhập: Chủ động tiếp cận tri thức, công nghệ và các giá trị tiên tiến của khu vực và quốc tế.

Phát triển bền vững: Hướng đến sự phát triển toàn diện, lâu dài của học sinh và nhà trường.

Mục tiêu:

Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng các tiêu chuẩn của mô hình giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế của Thành phố Hồ Chí Minh.

Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; bảo đảm học sinh phát triển hài hòa về đức, trí, thể, mỹ và kỹ năng sống.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá; từng bước ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo và các công nghệ giáo dục hiện đại.

Tăng cường giáo dục ngoại ngữ, tin học, STEM và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; tạo điều kiện để học sinh phát triển năng lực hội nhập và công dân số.

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có trình độ chuyên môn cao, đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu giáo dục trong thời kỳ mới.

Xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm, an toàn và hạnh phúc; tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh.

Giữ vững và nâng cao các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, trường đạt chuẩn quốc gia; từng bước khẳng định vị thế và uy tín của nhà trường trong hệ thống giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS Nguyễn Văn Cừ được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ.UB ngày 01/3/2004 của UBND thị xã Thủ Dầu Một (nay là phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh). Nhà trường được tách từ khối THCS của Trường THPT Chuyên Hùng Vương và chính thức hoạt động độc lập từ năm học 2007-2008.

Trường được đầu tư xây dựng trên khuôn viên rộng hơn 12.000 m² với hệ thống phòng học, phòng chức năng, sân chơi, bãi tập tương đối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu dạy học và các hoạt động giáo dục theo quy định.

Qua quá trình xây dựng và phát triển, quy mô nhà trường ngày càng được mở rộng, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên không ngừng được củng cố về số lượng và nâng cao về chất lượng. Nhà trường luôn chú trọng đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và tích cực.

Nhiều năm liền, trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc; được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2022-2027. Chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS và trúng tuyển vào lớp 10 THPT hằng năm đạt kết quả tốt; nhiều học sinh đạt giải trong các kỳ thi, hội thi cấp thành phố và cấp tỉnh.

Hiện nay, Trường THCS Nguyễn Văn Cừ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, đổi mới và sáng tạo; phấn đấu xây dựng nhà trường phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Dương Thị Hào



Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 126, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0983. 837.483

Gmail: haoduong@tptdm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường THCS Nguyễn Văn Cừ được thành lập theo quyết định số 01/QĐ.UB ngày 01 tháng 3 năm 2004 của UBND thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một về việc thành lập trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ thuộc Ủy ban nhân dân phường Thủ Dầu Một trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch UBND phường Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Văn Cừ.

Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 của Chủ tịch UBND phường Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động

* Cơ chế hoạt động của trường THCS Nguyễn Văn Cừ

- Nhà trường hoạt động theo quy chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; có tư cách pháp nhân (có con dấu riêng và tài khoản riêng).

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

(Đường link Quy chế hoạt động nhà trường)

<https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn/cong-khai/Quy-dinh-Ve-viec-ban-hanh-Quy-che-hoat-dong-truong-THCS-Nguyen-Van-Cu.html>

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:**

- Trường THCS Nguyễn Văn Cừ được thành lập theo quyết định số 01/QĐ.UB ngày 01 tháng 3 năm 2004 của UBND thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường trung học cơ sở trọng điểm của thành phố Thủ Dầu Một.

- Trường THCS Nguyễn Văn Cừ là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và các cá nhân trong các hoạt động giáo dục (HĐGD) của nhà trường.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 33 đảng viên.
- + Tổ chức Chi đoàn giáo viên có 08 đoàn viên
- + Tổ chức Đội TN TP HCM: Liên đội có 24 chi đội với 960 đội viên.
- + Ban đại diện CMHS
- + 01 Tổ Văn phòng và 06 tổ chuyên môn.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm

vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Dương Thị Hào	Hiệu trưởng	0983827482	haoduong@tptdm.edu.vn
2	Nguyễn Đức Tuấn	Phó Hiệu trưởng	0919151177	ndtuan@tptdm.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

<https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn>

<https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn/cong-khai/>

<https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn/Thong-bao/>

<https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn/pbgdpl/>

<https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn/van-ban/>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	THs	DH	CD	TCCN	Dưới TCCN	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số CBQL, GV, NV	53			44	1	1	7	1	25	15	38	3		
I	CÁN BỘ QUẢN LÝ	2			2				1	1		2			
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
II	GIÁO VIÊN	38			38					23	15	35	3		
	Số giáo viên dạy môn:														
1	Toán học	7			7					4	3	5	2		
2	Vật lí	3			3					3		3			
3	Hóa học	2			2					1	1	1	1		
4	Sinh học	3			3					1	2	3			
5	Kỹ thuật CN														
6	Kỹ thuật NN														
7	Kỹ thuật PV														
8	Ngữ văn	7			7					4	3	7			
9	Lịch sử	2			2					1	1	2			
10	Địa lí	2			2						2	2			
11	GD Công dân														
12	Tiếng Anh	5			5					3	2	5			
13	Tin học	2			2					1	1	2			
14	GDTC	3			3					3		3			
15	Âm nhạc	1			1					1		1			
16	Mĩ thuật	1			1					1		1			
III	Giáo viên Đoàn/Đội	1			1					1		1			
IV	Nhân viên	12			3	1	1	7							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên bảo vệ	3						3							
10	Nhân viên phục vụ	4						4							
11	Nhân viên giám thị														
12	Nhân viên phụ trách Đội														
13	Nhân viên giáo vụ														

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

*** Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm**

- Nhóm lãnh đạo, quản lý: 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng

- Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 38 giáo viên; 01 Tổng phụ trách Đội; 01 Thiết bị, thí nghiệm;

- Nhóm chuyên môn dung chung: 01 Thư viện; 01 Kế toán; 01 Văn thư
- Nhóm hỗ trợ, phục vụ: 03 bảo vệ; 04 phục vụ; 01 Y tế.

*** Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo trình độ được đào tạo. Tổng số 53, trong đó: 45 viên chức**

- Về trình độ lý luận chính trị:
 - + Trung cấp – 06, tỉ lệ 13,3%;
 - + Sơ cấp – 39, tỉ lệ 86,7%.
- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:
 - + Thạc sỹ: 01, tỉ lệ 2,2%;
 - + Cử nhân đại học: 43, tỉ lệ 95,6%;
 - + Trung cấp: 01, tỉ lệ 2,2%;

*** Hợp đồng lao động: 08 nhân viên**

- + Cao đẳng: 01 (Y tế)
- + Chưa qua đào tạo: 07 (Phục vụ 04, Bảo vệ 03)

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hàng năm theo quy định

- Đánh giá xếp loại viên chức:
 - + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 9, tỉ lệ 20%
 - + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 42, tỉ lệ 80%
- Đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp:
 - + Chuẩn hiệu trưởng: Tốt 2/2 (01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng)
 - + Chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt -..... giáo viên; Khá - giáo viên

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $45/45 = 100\%$, trong đó CBQL: 02, Giáo viên: 38, nhân viên: 05.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung			Số lượng	Bình quân	
I	SỐ PHÒNG HỌC			29		
II	LOẠI PHÒNG HỌC					
1	Phòng học kiên cố			29		
2	Số phòng học bộ môn			9		
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)			24		
4	Bình quân lớp/phòng học				1.21 lớp/phòng	
5	Bình quân học sinh/lớp				40.4 học sinh/lớp	
III	SỐ ĐIỂM TRƯỜNG			0		
IV	TỔNG SỐ DIỆN TÍCH ĐẤT (m ²)			12324	12.7 m ² /hs	
V	TỔNG DIỆN TÍCH SÂN CHƠI BÀI TẬP (m ²)			3026	3.12 m ² /hs	
VI	TỔNG DIỆN TÍCH CÁC PHÒNG			4555	4.7 m ² /hs	
1	Diện tích phòng học (m ²)			1543	1.59 m ² /hs	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)			1018		
3	Diện tích thư viện (m ²)			230		
4	Diện tích phòng thiết bị, chuẩn bị (m ²)			68		
5	Diện tích nhà tập đa năng (phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)			976		
6	Diện tích Hội trường (m ²)			315		
7	Diện tích Phòng truyền thống (m ²)			68		
8	Diện tích Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng (m ²)			52		
9	Diện tích phòng Công đoàn - Đoàn đội (m ²)			19		
10	Diện tích phòng Văn thư, kế toán, Y tế (m ²)			71		
10	Diện tích phòng nghỉ giáo viên (m ²)			194		
VII	TỔNG SỐ THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU (ĐƠN VỊ TÍNH: BỘ)				Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định					
1.1	Khối lớp 6			1	0.17 bộ/lớp	
1.2	Khối lớp 7			1	0.17 bộ/lớp	
1.3	Khối lớp 8			1	0.17 bộ/lớp	
1.4	Khối lớp 9			1	0.17 bộ/lớp	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định					
2.1	Khối lớp 6			1	0.17 bộ/lớp	
2.2	Khối lớp 7			1	0.17 bộ/lớp	
2.3	Khối lớp 8			1	0.17 bộ/lớp	
2.4	Khối lớp 9			1	0.17 bộ/lớp	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)					
VIII	TỔNG SỐ MÁY VI TÍNH ĐANG SỬ DỤNG PHỤC VỤ HỌC TẬP (ĐƠN VỊ TÍNH: BỘ)			133	0.14 học sinh/bộ	
IX	TỔNG SỐ THIẾT BỊ DÙNG CHUNG KHÁC			74	3.08 thiết bị/lớp	
1	Ti vi			8		
2	Cát xét			5		
3	Máy tính xách tay			5		
4	Máy chiếu			13		
5	Bảng tương tác			7		
6	Máy Photocopy			3		
7	Bộ âm thanh (Âm li, loa, Micro)			3		
8	Nhạc cụ (đàn Organ; Ghita,...)			30		
X	NHÀ VỆ SINH	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	60 m ²		535	535	0.6 m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
XI	NGUỒN NƯỚC SINH HOẠT HỢP VỆ SINH			Có		
XII	NGUỒN ĐIỆN (LƯỚI, PHÁT ĐIỆN RIÊNG)			Có		
XIII	KẾT NỐI INTERNET (ADSL)			Có		
XIV	TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (WEBSITE) CỦA TRƯỜNG			Có		
XV	TƯỜNG RÀO XÂY			Có		

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường được phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO CTGDPT 2018

STT	Tên sách	SGK LỚP 6 (Dùng chung cả tỉnh) <i>Áp dụng từ 2021-2022</i>	SGK LỚP 7 (Dùng chung cả tỉnh) <i>Áp dụng từ 2022-2023</i>	SGK LỚP 8 (Dùng chung cả tỉnh) <i>Áp dụng từ 2023-2024</i>	SGK LỚP 9 (Trường Nguyễn Văn Cừ) <i>Áp dụng từ 2024-2025</i>
1	Toán	Cánh diều	Cánh diều	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Giáo dục thể chất	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều/Kết nối tri thức với cuộc sống	Cánh diều
3	Khoa học tự nhiên	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Kết nối tri thức với cuộc sống	Chân trời sáng tạo
4	Ngữ văn	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo
5	Lịch sử và Địa lý	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo
6	GDCD	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo
8	Hoạt động trải nghiệm	Chân trời sáng tạo (Bản 2)	Chân trời sáng tạo (Bản 2)	Chân trời sáng tạo (Bản 2)	Chân trời sáng tạo (Bản 1)
9	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo (Bản 1)	Chân trời sáng tạo (Bản 1)	Chân trời sáng tạo (Bản 1)
10	Tiếng Anh	Global Success (NXB GDVN)	Global Success (NXB GDVN)	Global Success (NXB GDVN)	Global Success (NXB GDVN)
11	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống	Kết nối tri thức với cuộc sống
<i>Quyết định phê duyệt</i>		<i>1217/QĐ-UBND 07/5/2021</i>	<i>1229/QĐ-UBND 26/5/2022</i>	<i>1029/QĐ-UBND 27/4/2023</i>	<i>1469/QĐ-UBND 16/5/2024</i>

Công khai trên cổng thông tin điện tử: <https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn/Thong-bao/danh-muc-sach-giao-khoa-theo-chuong-trinh-gdpt-2018-1247.html>

Từ năm học 2026-2027 trở đi sẽ dùng bộ sách giáo khoa thống nhất theo quyết định 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 và Quyết định 185/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến sau đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Ghi chú
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1			X	X	
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X	X	
Tiêu chí 1.4			X	X	
Tiêu chí 1.5			X	X	
Tiêu chí 1.6			X	X	
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1			X	X	
Tiêu chí 2.2			X	X	
Tiêu chí 2.3			X	X	

Tiêu chí 2.4			X	X	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1			X	X	
Tiêu chí 3.2			X	X	
Tiêu chí 3.3			X	X	
Tiêu chí 3.4			X		
Tiêu chí 3.5			X	X	
Tiêu chí 3.6			X	X	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1			X	X	
Tiêu chí 4.2			X	X	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			X	X	
Tiêu chí 5.2			X	X	
Tiêu chí 5.3			X		
Tiêu chí 5.4			X		
Tiêu chí 5.5			X	X	
Tiêu chí 5.6			X	X	

Tự đánh giá: Đạt Mức 3

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.

a) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng, đạt chuẩn quốc gia

- Quyết định số 604/QĐ-SGDĐT ngày 21/03/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc công nhận trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ, thành phố Thủ Dầu Một đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (giai đoạn 2022-2027).

- Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/03/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công nhận trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ, thành phố Thủ Dầu Một đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (giai đoạn 2022-2027, chu kỳ 3).

b) Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.

<https://thcsnguyenvancu-thudaumot.edu.vn/cong-khai/Ke-hoach-ve-cai-tien-chat-luong-cac-hoat-dong-cua-truong-THCS-Nguyen-Van-Cu-nam-hoc-2024-2025.html>

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	CHIA THEO KHỐI LỚP			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	SỐ HỌC SINH THEO KẾT QUẢ RÈN LUYỆN	960	236	230	253	241
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	900 93.7%	218 92.4%	217 94.3%	240 94.9%	225 93.4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	60 6.3%	18 7.6%	13 5.7%	13 5.1%	16 6.6%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
II	SỐ HỌC SINH CHIA THEO KẾT QUẢ HỌC TẬP					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	329 34.3%	84 35.6%	77 33.5%	90 35.6%	78 32.4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	298 31.0%	68 28.8%	73 31.7%	81 32.0%	76 31.5%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	322 33.6%	78 33.1%	80 34.8%	81 32.0%	83 34.4%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11 1.1%	6 2.5%	0 0.0%	1 0.4%	4 1.7%
III	TỔNG HỢP KẾT QUẢ CUỐI NĂM	960	236	230	253	241
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	949 98.9%	230 97.5%	230 100.0%	252 99.6%	237 98.3%
2	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	63 6.6%	16 6.8%	19 8.3%	21 8.3%	7 2.9%
3	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	167 17.4%	61 25.8%	40 17.4%	43 17.0%	23 9.5%
4	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	33 3.4%	10 4.2%	8 3.5%	11 4.3%	4 1.7%
5	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	11 1.1%	6 2.5%	0 0.0%	1 0.4%	4 1.7%
6	Chuyển trường đến	7	1	3	3	0
	Chuyển trường đi	9	3	2	3	1
7	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
8	Bỏ học (trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.84%	3 1.3%	2 0.9%	2 0.8%	1 0.4%
IV	SỐ HỌC SINH ĐẠT GIẢI CÁC KỶ THI HỌC SINH GIỎI					
1	Cấp phường	8	1	0	1	6
2	Cấp Thành phố	14	5	1	2	6
3	Quốc gia					
V	SỐ HỌC SINH DỰ XÉT HOẶC DỰ THI TỐT NGHIỆP	241 100%				241 100.0%
VI	SỐ HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP	237 98.3%				237 98.3%
VII	SỐ HỌC SINH DỰ THI LỚP 10 THPT (Tỷ lệ so với số tốt nghiệp)	199 84.0%				199 84.0%
VII	SỐ HỌC SINH NỮ	428	113	100	112	103
	SỐ HỌC SINH NAM	532	123	130	141	138
VIII	SỐ HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ	25 2.6%	5 2.1%	7 3.0%	6 2.4%	7 2.9%

VI. CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

Cam kết chất lượng giáo dục của trường năm học 2026 - 2027

STT	Nội dung			Chia theo khối lớp			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
				315	236	230	253
I	Điều kiện tuyển sinh			- Hoàn thành chương trình bậc Tiểu học; Độ tuổi từ 11 tuổi; Đủ hồ sơ hợp lệ. - Tuyển sinh theo hình thức trực tuyến. Tuyển sinh linh hoạt, không phụ thuộc hoàn toàn vào địa giới hành chính. - Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định.			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện			Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh			- Cha mẹ học sinh phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm của lớp, dự họp CMHS 4 lần/năm học, tham gia một số cuộc họp do nhà trường đề nghị. - Học sinh đi học chuyên cần, tự giác, chủ động trong học tập và rèn luyện. - Học sinh thực hiện đúng theo nội quy nhà trường.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.			- Chăm lo tốt cho hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp của học sinh. - Hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh. - Hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh hoạt các CLB năng khiếu - Các phong trào thi đua do Đoàn - Đội đề ra			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Rèn luyện	Tốt	296 94%	222 94%	216 94%	238 94%
			Khá	19 6%	14 6%	14 6%	15 6%
			Đạt				
			Chưa đạt				
		Học tập	Lên lớp	309 98%	231 98%	225 98%	248 98%
			Tốt	101 32%	76 32%	74 32%	81 32%
			Khá	95 30%	71 30%	69 30%	76 30%
			Đạt	113 36%	85 36%	83 36%	91 36%
			Chưa đạt	6 2%	5 2%	5 2%	5 2%
			Lưu ban	6 2%	5 2%	5 2%	5 2%
		Sức khỏe	Tốt	312 99%	234 99%	228 99%	250 99%
			Đạt	3 1%	2 1%	2 1%	2 1%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh			313 99.5%	234 99.5%	228 99.5%	251 99.5%

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu, chi năm 2025:

a) Nguồn ngân sách

Nội dung	năm 2024 chuyển qua	Thu trong kỳ	Dự toán cấp năm 2025	Đã chi tháng đến 31/12//2025	Tồn cuối tháng 31/12/2025	Ghi chú
Nguồn 13						
Lương			9.076.000.000	8.658.322.351	417.677.649	
Học sinh (400)	81.813.939		246.000.000	271.538.667	56.275.272	
Hoạt động	151.413.872	-196.000.000	920.000.000	859.221.917	16.191.955	
Tổng	233.227.811	-196.000.000	10.242.000.000	9.789.082.935	490.144.876	
Nguồn 12						
	202.993.875		1.986.000.000	2.113.246.600	75.747.275	
Nguồn 18						
Khen thưởng 73	496.000.000	0	496.000.000	496.000.000	0	
Tổng cộng	932.221.686	-196.000.000	12.724.000.000	12.398.329.535	565.892.151	
Nguồn 3716						
Học phí	235.187.667	655.500.000	890.687.667	535.994.556	354.693.111	
Tổng cộng	1.167.409.353	459.500.000	13.614.687.667	12.934.324.091	920.585.262	

b) Ngoài ngân sách

* Các khoản thu bắt buộc

- Học phí theo quy định: Miễn

- Bảo hiểm y tế theo quy định: miễn

* Các khoản thu theo thỏa thuận.

TT	Nội dung	Số dư kỳ trước	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Buổi 2	11.460.257		11.460.257	0
2	Vệ sinh	6.563.261		5.000.000	1.563.261
3	Bán trú	1.356.519	897.920		2.254.439
4	KNS	618.000	172.500	618.000	172.500
5	STEM	626.000		626.000	0
6	IC3	0	1.668.600		1.668.600

* Tình hình thực hiện các khoản thu chi khác

TT	Nội dung	Số dư kỳ trước	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	HKH	15.732.120			15.732.120
2	Quỹ Nhân đạo	14.004.000			14.004.000
3	Chữ thập đỏ	3.669.590			3.669.590
4	Chăm sóc SKBD	75.926.093		5.274.720	70.651.373

2. Việc thực hiện chính sách cho viên chức, nhân viên, người lao động, người học năm 2025

- Chuyển trả lương Từ tháng 1-12 năm 2025 trước ngày 10 hàng tháng đầy đủ, đúng quy định, gồm:

- + Biên chế trả lương là: 44 người
- + Hợp đồng nghị định 111: 5 người
- + Hợp đồng ngắn hạn 1 năm: 1 người
- Thực hiện chi trả BHXH: tới tháng 01-12: đầy đủ
- Thực hiện đóng kinh phí công đoàn từ T1-T5 năm 2025: đầy đủ
- Chi trả tiền thu nhập tăng thêm quý 3,4 theo Nghị quyết 27: đầy đủ
- Chi trả tiền thu nhập tăng thêm từ nguồn tiết kiệm chi năm 2024: chi vào tháng 01/2025 đầy đủ, thực hiện theo đúng quy chế và thống nhất của HĐSP nhà trường.
- Chi trả phụ cấp thêm giờ năm học 2024-2025: đầy đủ
- Chi tiền hỗ trợ chi phí học tập cho 22 học sinh thuộc diện nghèo và khuyết tật: đầy đủ
- Chi trả trang phục cho Gv thể dục và bảo vệ năm 2025: đầy đủ
- Chi trả bồi dưỡng Gv thể dục tháng 1 đến tháng 12 năm 2025: đầy đủ
- Cập nhật tình hình tăng giảm lương của NLĐ cho cơ quan BHXH hàng tháng kịp thời: Đến tháng 12/2025.
- Chi tiền khen thưởng theo Nghị định 73: đầy đủ

3. Tình hình công khai tài chính và thu- chi 6 tháng đầu năm 2026

a) Nguồn ngân sách

Nội dung	Số dư tháng trước chuyển sang	Thu Hồi năm 2026	Dự toán cấp năm 2026	Được chi năm 2026	Đã chi tháng 6/2026	Tồn cuối tháng 6/2026
Nguồn 13						
Lương	5.823.467.649		9.482.000.000	5.823.467.649	750.780.262	5.072.687.387
Học sinh (60.000)	56.275.272			56.275.272		56.275.272
Hoạt động	323.644.517		639.000.000	323.644.517	171.103.360	152.541.157
Tổng	6.203.387.438	0	10.121.000.000	6.203.387.438	921.883.622	5.281.503.816
Nguồn 12						
	1.935.660.510		2.625.000.000	1.935.660.510	13.500.000	1.922.160.510
Nguồn 14						
NQ 27 TNTT	5.740.425.087		7.585.000.000	5.740.425.087	0	5.740.425.087
Nguồn 18						
Khen NĐ 73			498.000.000	498.000.000	0	498.000.000
Tổng cộng	8.139.047.948	0	20.829.000.000	14.377.473.035	935.383.622	13.442.089.413
Nguồn 3716						
Học phí	422.347.152		0	422.347.152	74.334.333	348.012.819
Tổng cộng	8.561.395.100	0	20.829.000.000	14.799.820.187	1.009.717.955	13.790.102.232

b) Ngoài ngân sách

* Các khoản thu bắt buộc

- Học phí theo quy định: Miễn
- Bảo hiểm y tế theo quy định: miễn

* Các khoản thu theo thỏa thuận.

TT	Nội dung	Số dư kỳ trước	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	IC3	2.565.759	428.400		2.994.159
2	KNS	846.300			846.300
3	Bán trú	3.428.439			3.428.439
4	Căn tin	2.804.367		672.000	2.132.367

* Tình hình thực hiện các khoản thu chi khác

TT	Nội dung	Số dư kỳ trước	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Khuyến học	15.732.120			15.732.120
2	Quỹ Nhân đạo	14.004.000			14.004.000
3	Chữ thập đỏ	3.669.590			3.669.590
4	Chăm sóc SKBĐ	67.722.452			67.722.452

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Công tác giáo dục thể chất cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, vệ sinh, dân chủ; giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, học viên, giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; tư vấn tâm lý cho học sinh; công tác xã hội trong trường học; lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức liên chính, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục được chú trọng và thực hiện tốt.

<https://thcsnguyenvancu.phuongthudaumot.edu.vn/cong-khai/Bao-cao-tong-ket-nam-hoc-2025-2026.html>

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2026 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường THCS Nguyễn Văn Cừ.

Nơi nhận:

- UBND phường;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, HSBCK.

**HIỆU TRƯỞNG****Dương Thị Hào**